

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP -  
DỊCH VỤ - THƯƠNG MẠI NGỌC NGHĨA**

**Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét  
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019**





## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa (sau đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019.

### **1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301427028 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 18 tháng 06 năm 1993 và đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 01 tháng 06 năm 2018.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 30/06/2019 và 01/01/2019 là 522.500.000.000 VND tương đương với 52.250.000 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là NNG và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 31 tháng 03 năm 2015.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất bao bì từ plastic; Sản xuất sản phẩm khác từ plastic (trừ sản xuất xếp cách nhiệt sử dụng ga R141b và không hoạt động tại trụ sở).
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa.
- Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở).
- Bán buôn đồ uống. Chi tiết: Bán buôn đồ uống không có cồn.
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh).
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở).
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn hóa chất công nghiệp (không tồn trữ hóa chất tại trụ sở), bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh, bán buôn cao su, bán buôn phế liệu, phế thải kim loại/ phi kim loại, nguyên liệu để tái sinh.
- Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: Cho thuê ô tô.
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn đạt tiêu chuẩn sao (không hoạt động tại trụ sở).
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản. Cho thuê cao ốc, văn phòng.
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt.
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.
- Chế biến và bảo quản rau quả.
- Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật.
- Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại.
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước khoáng, đồ uống không cồn, nước uống tinh khiết đóng chai.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển).
- Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh.
- Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia.
- Sản xuất máy chuyên dụng khác.
- In ấn.
- Sản xuất rượu vang.

Trong kỳ, hoạt động chính của Công ty là sản xuất nhựa, khuôn đúc, phụ tùng; cung cấp các dịch vụ ký gửi và vận chuyển bằng xe ô tô, in bao bì ngoại trừ bao bì kim loại.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 27A Nguyễn Ơ Dĩ, Phường Thảo Điền, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh.

==  
↓  
P  
H  
I  
↓  
==



## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Thông tin về chi nhánh

Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa - Nhà máy Nhựa Số 1	IV-22 Tây Thạnh, Khu Công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
2	Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Ngọc Nghĩa - Nhà Máy Nhựa Số 2	Lô B1-8, Khu Công Nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Tân An Hội, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Ngọc Nghĩa - Nhà máy Nhựa Số 3	Khu phố 1 Lê Văn Khương, Phường Thới An, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh
4	Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa - Nhà máy nhựa Số 4	Lô A, đường NA7, khu công nghiệp Mỹ Phước 2, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương
5	Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa - Nhà máy nhựa số 6	Thôn Cây Sung, Xã Diên Tân, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa
6	Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa tại Bắc Ninh	Lô A3-1, A3-2 Khu công nghiệp Đại Đồng - Hoàn Sơn, Xã Hoàn Sơn, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh
7	Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa	Phòng 707 Centre Point Building, số 106 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Công ty có 4 công ty con bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV PET Quốc tế	Lô 129,130 đường 6, khu CX và CN Linh Trung III, Xã An Tịnh, Huyện Trảng Bàng, Tây Ninh	Sản xuất sản phẩm từ plastic	100%	100%
Công ty TNHH MTV Nhựa P.E.T Việt Nam	Lô B1-9, Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Đường D2, Xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất các loại bao bì nhựa.	100%	100%
Công ty Cổ phần Nắp Toàn Cầu	Số 128, đường số 6, Khu chế xuất và Công Nghiệp Linh Trung III, Xã An Tịnh, Huyện Trảng Bàng, Tây Ninh	Sản xuất sản phẩm từ plastic	99%	99%
Công ty TNHH MTV Bao bì Quốc tế Ngọc Nghĩa	Lô 123, Đường số 6, Khu chế xuất và Công Nghiệp Linh Trung III, Xã An Tịnh, Huyện Trảng Bàng, Tây Ninh	Sản xuất sản phẩm từ plastic	100%	100%

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng Quản trị:**

Họ tên	Chức vụ
Ông La Bùi Hoàng Nghĩa	Chủ tịch
Bà La Bùi Hồng Ngọc	Phó Chủ tịch
Ông La Văn Hoàng	Thành viên
Bà Bùi Bích Hồng	Thành viên
Bà Đào Thị Thuận	Thành viên

#### **Ban kiểm soát:**

Họ tên	Chức vụ
Ông Trương Quốc Thắng	Trưởng ban
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc:**

Họ tên	Chức vụ
Bà La Bùi Hồng Ngọc	Tổng Giám đốc
Ông La Bùi Hoàng Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc Tiếp thị
Bà Đào Thị Thuận	Giám đốc Cung ứng và Điều vận

#### **Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 và cho đến ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Quốc tịch	Chức vụ
Bà La Bùi Hồng Ngọc	Việt Nam	Tổng Giám đốc

### **3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

### **4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định soát xét báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019.

1899  
G T  
M H  
T A  
T N  
H O

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **7. Phê duyệt báo cáo tài chính giữa niên độ**

Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 07 năm 2019



Số: 198/2019/BCSX-HCM.00892

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của  
Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 07 năm 2019, từ trang 7 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

# BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

30  
CĐ  
CĐ  
V.G  
U  
Q1  
T.F

## Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ định kết luận nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý đến người đọc báo cáo tài chính đến các vấn đề sau:

- Như đã trình bày tại mục 5.2.2 Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý của tài sản thuần khi mua Công ty TNHH MTV PET Quốc tế và công ty TNHH MTV Nhựa P.E.T Việt Nam mà chỉ dựa vào Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty để xác định giá trị lợi thế thương mại.
- Như đã trình bày tại mục 5.5 và 5.6 của Thuyết minh báo cáo tài chính, theo Phụ lục số 03 ngày 03/09/2018 của hợp đồng chuyển nhượng cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú (nay là Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Opera) với ông Nguyễn Thăng Tài, các khoản vay phát sinh từ năm 2015 đến nay sẽ thanh toán trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký phụ lục hợp đồng này, các khoản vay phát sinh từ năm 2014 trở về trước sẽ thanh toán ngay và không tiếp tục tính lãi các khoản vay này.
- Như đã trình bày tại mục 5.5 và 5.6 của Thuyết minh báo cáo tài chính, đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa ký kết phụ lục gia hạn thời hạn thanh toán các khoản tiền cho Công ty TNHH Thịt ngon Quốc tế và Công ty TNHH Thịt ngon Quốc tế La Maison vay do các khoản phải thu cho vay này đã đến hạn thu hồi; và chưa có thỏa thuận không tiếp tục tính lãi cho vay đối với các khoản vay này.



**TRANG ĐẮC NHA**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 2111-2018-009-1  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM**  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 07 năm 2019

**PHẠM THỊ NGỌC LIÊN**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 1180-2018-009-1





## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.220.976.530.796</b>	<b>1.471.840.675.743</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>22.409.670.551</b>	<b>70.812.773.246</b>
1. Tiền	111		22.409.670.551	70.812.773.246
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>71.977.083.333</b>	<b>71.977.083.333</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	71.977.083.333	71.977.083.333
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>996.102.367.642</b>	<b>1.230.911.683.803</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	315.814.402.798	513.906.007.533
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	120.246.640.499	119.546.581.727
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	684.800.000.000	684.800.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	292.205.410.412	329.623.180.610
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(416.964.086.067)	(416.964.086.067)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.8	<b>55.201.230.861</b>	<b>43.105.521.356</b>
1. Hàng tồn kho	141		55.201.230.861	43.105.521.356
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>75.286.178.409</b>	<b>55.033.614.005</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	10.940.637.884	3.045.583.400
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.10	50.758.866.979	38.405.168.931
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.18	13.586.673.546	13.582.861.674
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

044  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TP

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>936.353.752.300</b>	<b>885.132.476.530</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>8.373.999.740</b>	<b>7.966.009.663</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	8.373.999.740	7.966.009.663
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>322.060.166.636</b>	<b>331.637.040.031</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	46.025.430.977	44.852.716.185
- Nguyên giá	222		234.785.948.007	237.015.266.966
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(188.760.517.030)	(192.162.550.781)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.12	60.234.569.988	70.500.289.824
- Nguyên giá	225		96.862.405.110	100.858.301.158
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(36.627.835.122)	(30.358.011.334)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.13	215.800.165.671	216.284.034.022
- Nguyên giá	228		228.031.441.474	228.031.441.474
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.231.275.803)	(11.747.407.452)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>12.147.532.944</b>	<b>5.958.379.519</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.14	12.147.532.944	5.958.379.519
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.2	<b>462.885.724.000</b>	<b>407.805.724.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		462.885.724.000	407.805.724.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>130.886.328.980</b>	<b>131.765.323.317</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	17.371.165.184	15.231.676.688
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	5.15	113.515.163.796	116.533.646.629
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.157.330.283.096</b>	<b>2.356.973.152.273</b>

8995-  
CÔNG TY  
THƯƠNG MẠI  
TOÀN  
TẠI  
HỒ CHÍ MINH

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.248.143.294.271</b>	<b>1.458.499.992.831</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.233.068.578.462</b>	<b>1.434.501.955.252</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.16	518.896.792.238	331.605.093.996
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.17	16.702.241.726	22.806.499.927
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.18	545.483.274	166.994.108
4. Phải trả người lao động	314		4.890.804.394	2.818.271.661
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.19	3.535.109.365	4.561.264.307
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.20	60.591.079.478	39.019.356.863
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.21	625.923.681.135	1.031.541.087.538
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.22	1.983.386.852	1.983.386.852
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>15.074.715.809</b>	<b>23.998.037.579</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.21	15.074.715.809	23.998.037.579
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

2. TÀI KHOẢN GI



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>909.186.988.825</b>	<b>898.473.159.442</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.23	<b>909.186.988.825</b>	<b>898.473.159.442</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		522.500.000.000	522.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		522.500.000.000	522.500.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.170.386	46.900.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	(88.088.780.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.973.114.162	10.973.114.162
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		192.503.849	192.503.849
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		375.520.200.428	405.996.321.431
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế kỳ trước	421a		364.806.371.045	241.581.013.953
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		10.713.829.383	164.415.307.478
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.157.330.283.096</b>	<b>2.356.973.152.273</b>

Kế toán trưởng/ Người lập biểu



Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 07 năm 2019

*La Bùi Hồng Ngọc*



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019	Từ 01/01/2018
			đến 30/06/2019	đến 31/05/2018
			VND	VND
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	01		<b>856.172.422.989</b>	<b>698.457.425.581</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.050.534.460	5.728.678.290
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)</b>	10	6.1	<b>855.121.888.529</b>	<b>692.728.747.291</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	780.683.233.143	639.367.273.576
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)</b>	20		<b>74.438.655.386</b>	<b>53.361.473.715</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.886.954.810	115.180.400.609
7. Chi phí tài chính	22	6.4	34.185.100.176	56.645.691.872
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		33.856.136.062	56.312.537.485
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	15.967.962.872	12.627.364.835
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	23.216.411.564	28.084.823.451
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	30		<b>3.956.135.584</b>	<b>71.183.994.166</b>
11. Thu nhập khác	31	6.7	12.690.194.497	8.274.194.311
12. Chi phí khác	32	6.8	2.914.017.865	7.977.351.335
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	40		<b>9.776.176.632</b>	<b>296.842.976</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	50		<b>13.732.312.216</b>	<b>71.480.837.142</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.18	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		3.018.482.833	(5.002.379.450)
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)</b>	60		<b>10.713.829.383</b>	<b>76.483.216.592</b>

Kế toán trưởng/ Người lập biểu



Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 07 năm 2019

300  
CỔ  
HÀNG  
KIẾ  
HFC  
1-1

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	01	<b>13.732.312.216</b>	<b>71.480.837.142</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	14.367.237.529	18.957.887.380
Các khoản dự phòng	03	-	(81.000.000.000)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(7.299.771.644)	(35.658.349.739)
Chi phí lãi vay	06	33.856.136.062	56.312.537.485
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08	<b>54.655.914.163</b>	<b>30.092.912.268</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(9.345.673.386)	(237.889.681.604)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(12.095.709.505)	(7.990.542.329)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	141.885.963.430	57.540.456.074
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(10.081.542.980)	(1.782.272.359)
(Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(26.909.132.785)	(23.410.468.654)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>138.109.818.937</b>	<b>(183.439.596.604)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(11.813.135.082)	(44.814.877)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	718.181.819	28.693.553.366
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	810.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.751.696.898	83.154.546.780
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(9.343.256.365)</b>	<b>112.613.285.269</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	598.033.454.577	833.202.355.888
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(765.223.777.846)	(732.570.222.558)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(9.979.341.998)	(22.274.571.915)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>(177.169.665.267)</b>	<b>78.357.561.415</b>

4899  
NG T  
EM H  
TU  
ET N  
HỒ

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(48.403.102.695)	7.531.250.080
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	70.812.773.246	6.647.579.126
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>22.409.670.551</b>	<b>14.178.829.206</b>



Kế toán trưởng/ Người lập biểu



*La Bùi Hồng Ngọc*

Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 07 năm 2019



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.*

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301427028 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 18 tháng 06 năm 1993 và đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 01 tháng 06 năm 2018.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 30/06/2019 và 01/01/2019 là 522.500.000.000 VND tương đương với 52.250.000 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là NNG và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 31 tháng 03 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 27A Nguyễn Ư Dĩ, Phường Thảo Điền, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh.

#### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, dịch vụ.

#### 1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất bao bì từ plastic; Sản xuất sản phẩm khác từ plastic (trừ sản xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b và không hoạt động tại trụ sở).
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa.
- Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở).
- Bán buôn đồ uống. Chi tiết: Bán buôn đồ uống không có cồn.
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh).
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở).
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn hóa chất công nghiệp (không tồn trữ hóa chất tại trụ sở), bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh, bán buôn cao su, bán buôn phế liệu, phế thải kim loại/ phi kim loại, nguyên liệu để tái sinh.
- Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: Cho thuê ô tô.
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn đạt tiêu chuẩn sao (không hoạt động tại trụ sở).
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản. Cho thuê cao ốc, văn phòng.
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt.
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.
- Chế biến và bảo quản rau quả.
- Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật.
- Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại.
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước khoáng, đồ uống không cồn, nước uống tinh khiết đóng chai.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển).
- Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh.
- Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia.
- Sản xuất máy chuyên dụng khác.
- In ấn.
- Sản xuất rượu vang.

Trong kỳ, hoạt động chính của Công ty là sản xuất nhựa, khuôn đúc, phụ tùng; cung cấp các dịch vụ ký gửi và vận chuyển bằng xe ô tô, in bao bì ngoại trừ bao bì kim loại.





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

### 1.4 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

### 1.5 Cấu trúc của Công ty

#### Công ty con

Công ty có 4 công ty con bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV PET Quốc tế	Lô 129,130 đường 6, khu CX và CN Linh Trung III, Xã An Tịnh, Huyện Trảng Bàng, Tây Ninh	Sản xuất sản phẩm từ plastic	100%	100%
Công ty TNHH MTV Nhựa P.E.T Việt Nam	Lô B1-9, Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Đường D2, Xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất các loại bao bì nhựa.	100%	100%
Công ty Cổ phần Nắp Toàn Cầu	Số 128, đường số 6, Khu chế xuất và Công Nghiệp Linh Trung III, Xã An Tịnh, Huyện Trảng Bàng, Tây Ninh	Sản xuất sản phẩm từ plastic	99%	99%
Công ty TNHH MTV Bao bì Quốc tế Ngọc Nghĩa	Lô 123, Đường số 6, Khu chế xuất và Công Nghiệp Linh Trung III, Xã An Tịnh, Huyện Trảng Bàng, Tây Ninh	Sản xuất sản phẩm từ plastic	100%	100%

#### Thông tin về chi nhánh

Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa - Nhà máy Nhựa Số 1	IV-22 Tây Thạnh, Khu Công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
2	Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Ngọc Nghĩa - Nhà Máy Nhựa Số 2	Lô B1-8, Khu Công Nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Tân An Hội, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Ngọc Nghĩa - Nhà máy Nhựa Số 3	Khu phố 1 Lê Văn Khương, Phường Thới An, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh
4	Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa - Nhà máy nhựa Số 4	Lô A, đường NA7, khu công nghiệp Mỹ Phước 2, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương
5	Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa - Nhà máy nhựa số 6	Thôn Cây Sung, Xã Diên Tân, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa
6	Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa tại Bắc Ninh	Lô A3-1, A3-2 Khu công nghiệp Đại Đồng - Hoàn Sơn, Xã Hoàn Sơn, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.*

### 4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong kỳ, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán, Công ty chưa đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

### 4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4.4 Các khoản đầu tư tài chính

#### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

#### Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.*

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### 4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp đến quá trình sản xuất.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.*

### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

### **4.8 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25
Máy móc thiết bị	5 – 15
Phương tiện vận tải	5 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 – 8

### **4.9 Tài sản cố định thuê tài chính**

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

	Số năm
Máy móc thiết bị	5 – 15
Phương tiện vận tải	10

### **4.10 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 37 năm. Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không tính khấu hao.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.*

### **Phần mềm máy tính**

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3-6 năm.

#### **4.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### **4.12 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### **4.13 Tiền lương**

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong kỳ được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên Hợp đồng lao động.

#### **4.14 Các khoản trích theo lương**

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương theo hợp đồng lao động vào chi phí là 17,5% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

Kinh phí công đoàn được trích trên lương vào chi phí là 2%.

#### **4.15 Vốn góp chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

4489  
ĐỒNG I  
KHỆM H  
M T U.  
VIỆT I  
P. HỒ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.*

### **Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### **Cổ phiếu quỹ**

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

### **Các quỹ**

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

#### **4.16 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### **4.17 Doanh thu**

##### **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### **Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### **Cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

5-CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP - DỊCH VỤ - THƯƠNG MẠI NGỌC NGHĨA



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.*

### 4.18 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### 4.19 Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

### 4.20 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.*

- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

### 4.21 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### 4.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Các cá nhân/ công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

Cá nhân/ Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Công ty TNHH MTV PET Quốc tế	Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH MTV Nhựa P.E.T Việt Nam	Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Nắp Toàn Cầu	Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH MTV Bao bì Quốc tế Ngọc Nghĩa	Việt Nam	Công ty con
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc		Thành viên chủ chốt

## 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

### 5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền mặt	164.160.585	90.849.528
Tiền gửi ngân hàng (*)		
- VND	18.102.343.165	58.325.222.108
- USD	3.972.356.091	12.225.747.026
- EUR	170.810.710	170.954.584
	<b>22.409.670.551</b>	<b>70.812.773.246</b>

(\*) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ vào ngày 30 tháng 06 năm 2019:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng		
- USD	171.028,54	3.972.356.091
- EUR	6.482,38	170.810.710

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

### 5.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

#### 5.2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>Ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn	71.977.083.333	71.977.083.333	71.977.083.333	71.977.083.333
	<b>71.977.083.333</b>	<b>71.977.083.333</b>	<b>71.977.083.333</b>	<b>71.977.083.333</b>

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại có thời hạn 1 năm (ngắn hạn) với lãi suất từ 6,5%/năm đến 6,85%/năm (năm 2018: 6,5%/năm đến 7,3%/năm).

Trong đó, tại ngày 30/06/2019 số dư tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn là 40.000.000.000 VND (tại ngày 31/12/2018: 40.000.000.000 VND), đã được thế chấp cho các khoản vay của Công ty (xem thuyết minh số 5.21).

#### 5.2.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2019			01/01/2019		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>						
Công ty TNHH MTV PET Quốc tế (a)	126.400.000.000	-	(*)	78.400.000.000	-	(*)
Công ty TNHH MTV Nhựa P.E.T Việt Nam (b)	123.085.724.000	-	(*)	116.005.724.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Nắp Toàn Cầu (c)	98.400.000.000	-	(*)	98.400.000.000	-	(*)
Công ty TNHH MTV Bao bì Quốc tế Ngọc Nghĩa (d)	115.000.000.000	-	(*)	115.000.000.000	-	(*)
	<b>462.885.724.000</b>	<b>-</b>	<b>407.805.724.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(a) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3900785589 ngày 8 tháng 7 năm 2009 và thay đổi lần thứ 8 ngày 18 tháng 06 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp, vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV PET Quốc tế là 80.000.000.000 VND. Công ty đã đầu tư 126.400.000.000 VND vào Công ty TNHH MTV PET Quốc tế, đạt được quyền sở hữu và quyền biểu quyết là 100%. Công ty chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý của tài sản thuần khi mua Công ty TNHH MTV PET Quốc tế mà chỉ dựa vào Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty để xác định giá trị lợi thế thương mại. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Công ty đã cản trở khoản phải trả do chuyển nhượng cổ phần với khoản tạm ứng của ông Nguyễn Hoàng Oanh. Khoản đầu tư này được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (xem Thuyết minh 5.21).

(b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301466108 ngày 4 tháng 2 năm 2008 và thay đổi lần thứ 12 ngày 04 tháng 07 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Nhựa P.E.T Việt Nam là 23.624.000.000 VND. Công ty đã đầu tư 123.085.724.000 VND vào Công ty TNHH MTV Nhựa P.E.T Việt Nam, đạt được quyền sở hữu và quyền biểu quyết là 100%. Công ty chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý của tài sản thuần khi mua Công ty TNHH MTV Nhựa P.E.T Việt Nam mà chỉ dựa vào Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty để xác định giá trị lợi thế thương mại. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Công ty đã cản trở khoản phải trả do chuyển nhượng cổ phần với khoản tạm ứng của ông Nguyễn Hoàng Oanh. Khoản đầu tư này được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (xem Thuyết minh 5.21).

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

- (c) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3901102796 ngày 24 tháng 5 năm 2012 và chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 8 tháng 10 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp, Công ty đã đầu tư 98.400.000.000 VND vào Công ty Cổ phần Nắp Toàn Cầu, đạt được quyền sở hữu và quyền biểu quyết là 99,39%. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Công ty đã góp đủ vốn. Khoản đầu tư này được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (xem Thuyết minh 5.21).
- (d) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3901208979 ngày 18 tháng 08 năm 2015 và thay đổi lần thứ nhất ngày 20 tháng 04 năm 2016 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp, Công ty đã đầu tư 115.000.000.000 VND vào Công ty TNHH MTV Bao bì Quốc tế Ngọc Nghĩa, đạt được quyền sở hữu và quyền biểu quyết là 100%. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Công ty đã góp đủ vốn. Khoản đầu tư này được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (xem Thuyết minh 5.21).
- (\*) Tại ngày báo cáo, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

### 5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>		
Công ty TNHH MTV PET Quốc tế	88.529.541.139	380.455.925.252
Công ty Cổ phần Nắp Toàn Cầu	78.153.141.691	16.861.937.252
Công ty TNHH MTV Nhựa P.E.T Việt Nam	5.903.073.331	173.860.000
Công ty TNHH MTV Bao bì Quốc tế Ngọc Nghĩa	11.108.131.870	814.000
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>		
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Opera	19.626.142.953	18.537.342.953
Công ty TNHH Hàng tiêu dùng Thái Long	15.158.737.684	15.938.631.050
Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam	42.297.452.807	35.606.674.503
Công ty TNHH Dynaplast Packaging (Việt Nam) - Chi nhánh Bắc Ninh	17.523.456.821	17.572.647.583
Công ty TNHH Thịt ngon Quốc tế La Maison	11.861.379.433	10.478.979.433
Các khách hàng khác	25.653.345.069	18.279.195.507
	<b>315.814.402.798</b>	<b>513.906.007.533</b>

### 5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Trả trước người bán khác</b>		
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Song Toàn	2.745.250.000	2.745.250.000
Nissei ASB Pte. Ltd.	59.292.803	894.253.986
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Opera	106.096.338.837	106.096.338.837
Công ty TNHH Thịt ngon Quốc tế La Maison	6.696.931.854	6.867.656.804
Các nhà cung cấp khác	4.648.827.005	2.943.082.100
	<b>120.246.640.499</b>	<b>119.546.581.727</b>

### 5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>		
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Opera (*)	543.500.000.000	543.500.000.000
Công ty TNHH Hàng tiêu dùng Thái Long (*)	19.850.000.000	19.850.000.000
Công ty TNHH Thịt ngon Quốc tế (**)	49.750.000.000	49.750.000.000
Công ty TNHH Thịt ngon Quốc tế La Maison (**)	71.700.000.000	71.700.000.000
	<b>684.800.000.000</b>	<b>684.800.000.000</b>

998  
TY  
HỮU  
BÁN  
NA  
SC

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

- (\*) Khoản cho vay không được đảm bảo và hưởng lãi suất 6,8%/năm. Theo Phụ lục số 03 ngày 03/09/2018 của hợp đồng chuyển nhượng cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú (nay là: Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Opera) với ông Nguyễn Thăng Tài, các khoản vay phát sinh từ năm 2015 đến nay sẽ thanh toán trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký phụ lục hợp đồng này, các khoản vay phát sinh từ năm 2014 trở về trước sẽ thanh toán ngay và không tiếp tục tính lãi các khoản vay này.
- (\*\*) Đến ngày 30/06/2019, Công ty chưa ký kết phụ lục gia hạn thời hạn thanh toán các khoản tiền cho Công ty TNHH Thịt ngon Quốc tế và Công ty TNHH Thịt ngon Quốc tế La Maison vay; các khoản vay này đến hạn thu hồi.

### 5.6 Phải thu khác

#### 5.6.1 Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>				
Tạm ứng - Bà La Bùi Hồng Ngọc	199.573.723	-	1.497.105.342	-
Tạm ứng - Ông La Bùi Hoàng Nghĩa	71.573.255	-	56.151.620	-
Tạm ứng - Bà Bùi Bích Hồng	8.123.538	-	-	-
Tạm ứng - Bà Đào Thị Thuận	3.858.000.000	-	5.000.000.000	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>				
Phải thu lãi cho vay ngắn hạn - Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Opera (a)	127.607.954.198	-	127.607.954.198	-
Phải thu lãi cho vay ngắn hạn - Công ty TNHH Hàng tiêu dùng Thái Long (a)	815.476.664	-	815.476.664	-
Phải thu lãi cho vay ngắn hạn - Công ty TNHH Thịt ngon Quốc tế (b)	6.548.555.975	-	6.548.555.975	-
Phải thu lãi cho vay ngắn hạn - Công ty TNHH Thịt ngon Quốc tế La Maison (b)	9.504.473.358	-	9.504.473.358	-
Bà Bùi Bích Hợp (c)	132.000.000.000	-	132.000.000.000	-
Tạm ứng nhân viên (d)	8.450.285.916	-	42.421.679.277	-
Lãi phải thu từ tiền gửi	1.956.037.085	-	2.605.347.535	-
Các khoản phải thu khác	1.185.356.700	-	1.566.436.641	-
	<b>292.205.410.412</b>	<b>-</b>	<b>329.623.180.610</b>	<b>-</b>

- (a) Theo Phụ lục số 03 ngày 03/09/2018 của Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú (nay là: Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Opera) với ông Nguyễn Thăng Tài, Công ty không tiếp tục tính lãi các khoản vay này.
- (b) Trong kỳ, Công ty không tiếp tục tính lãi cho Công ty TNHH Thịt ngon Quốc tế và Công ty TNHH Thịt ngon Quốc tế La Maison vay nhưng chưa ký kết phụ lục hợp đồng thể hiện việc không tiếp tục tính lãi các khoản vay này.
- (c) Đây là khoản tiền phải thu về việc chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Thịt ngon Quốc tế và Công ty TNHH Thịt ngon Quốc tế La Maison cho bà Bùi Bích Hợp.
- (d) Đây là khoản tạm ứng cho nhân viên đại diện Công ty để mua nguyên vật liệu.

#### 5.6.2 Phải thu dài hạn khác

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>		
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	8.373.999.740	7.966.009.663
	<b>8.373.999.740</b>	<b>7.966.009.663</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

### 5.7 Nợ xấu

	30/06/2019			01/01/2019		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu khách hàng</b>						
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>						
Công ty Cổ phần Nước khoáng ĐaKai	84.092.264	-	(84.092.264)	84.092.264	-	(84.092.264)
Công ty TNHH Vàng Biển Đông	89.994.528	-	(89.994.528)	89.994.528	-	(89.994.528)
Công ty Cổ phần Công nghiệp Masan	118.467.360	-	(118.467.360)	118.467.360	-	(118.467.360)
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Minh Quân	37.573.800	-	(37.573.800)	37.573.800	-	(37.573.800)
Các khách hàng khác	39.347.000	-	(39.347.000)	39.347.000	-	(39.347.000)
<b>Trả trước người bán</b>						
<i>Trả trước cho người bán khác</i>						
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Song Toàn	2.745.250.000	-	(2.745.250.000)	2.745.250.000	-	(2.745.250.000)
Công ty TNHH Thiết bị Công nghiệp Thái Thành	781.107.195	-	(781.107.195)	781.107.195	-	(781.107.195)
Các nhà cung cấp khác	668.253.920	-	(118.467.360)	668.253.920	-	(118.467.360)
<b>Phải thu về cho vay</b>						
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>						
Cho Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Opera vay	543.500.000.000	131.100.000.000	(412.400.000.000)	543.500.000.000	131.100.000.000	(412.400.000.000)
	<b>548.064.086.067</b>	<b>131.100.000.000</b>	<b>(416.964.086.067)</b>	<b>548.064.086.067</b>	<b>131.100.000.000</b>	<b>(416.964.086.067)</b>

### 5.8 Hàng tồn kho

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	23.055.751.746	-	10.125.151.859	-
Công cụ, dụng cụ	1.876.743.808	-	4.024.930.093	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	11.795.171.064	-	12.181.581.334	-
Thành phẩm	12.333.984.245	-	16.573.071.403	-
Hàng hóa	134.446.039	-	133.391.167	-
Hàng gửi đi bán	6.005.133.959	-	67.395.500	-
	<b>55.201.230.861</b>	<b>-</b>	<b>43.105.521.356</b>	<b>-</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

### 5.9 Chi phí trả trước

#### 5.9.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Chi phí công cụ dụng cụ	3.320.894.227	3.045.583.400
Chi phí thuê nhà xưởng, văn phòng	6.302.284.596	-
Chi phí trả trước khác	1.317.459.061	-
	<b>10.940.637.884</b>	<b>3.045.583.400</b>

#### 5.9.2 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	16.818.165.184	15.231.676.688
Chi phí sửa chữa, lắp đặt tài sản cố định	553.000.000	-
	<b>17.371.165.184</b>	<b>15.231.676.688</b>

### 5.10 Thuế GTGT được khấu trừ

	01/01/2019 VND	Phát sinh tăng VND	Kết chuyển khấu trừ/ Giảm khác VND	30/06/2019 VND
Thuế GTGT được khấu trừ	38.405.168.931	80.823.100.798	(68.469.402.750)	50.758.866.979

### 5.11 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại 01/01/2019	39.285.971.288	173.919.151.168	17.749.260.229	6.060.884.281	237.015.266.966
Mua trong kỳ	-	3.587.403.000	3.177.692	80.000.000	3.670.580.692
Tăng từ TSCĐ thuê tài chính	-	2.546.358.908	1.449.537.140	-	3.995.896.048
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	82.990.000	1.917.410.965	-	2.000.400.965
Thanh lý	-	(10.514.848.976)	(1.381.347.688)	-	(11.896.196.664)
<b>Tại 30/06/2019</b>	<b>39.285.971.288</b>	<b>169.621.054.100</b>	<b>19.738.038.338</b>	<b>6.140.884.281</b>	<b>234.785.948.007</b>

#### GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại 01/01/2019	21.960.404.461	157.155.681.378	7.346.096.935	5.700.368.007	192.162.550.781
Khấu hao trong kỳ	1.215.229.478	4.393.077.131	828.259.801	36.163.212	6.472.729.622
Tăng từ TSCĐ thuê tài chính	-	684.505.077	456.310.691	-	1.140.815.768
Thanh lý	-	(10.431.858.976)	(583.720.165)	-	(11.015.579.141)
<b>Tại 30/06/2019</b>	<b>23.175.633.939</b>	<b>151.801.404.610</b>	<b>8.046.947.262</b>	<b>5.736.531.219</b>	<b>188.760.517.030</b>

#### GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại 01/01/2019	17.325.566.827	16.763.469.790	10.403.163.294	360.516.274	44.852.716.185
<b>Tại 30/06/2019</b>	<b>16.110.337.349</b>	<b>17.819.649.490</b>	<b>11.691.091.076</b>	<b>404.353.062</b>	<b>46.025.430.977</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng có nguyên giá là:

Tại 01/01/2019	2.375.867.251	55.928.174.175	3.586.661.248	5.270.775.246	67.161.477.920
<b>Tại 30/06/2019</b>	<b>2.375.867.251</b>	<b>55.078.918.751</b>	<b>3.586.661.248</b>	<b>5.270.775.246</b>	<b>66.312.222.496</b>

Giá trị còn lại của phương tiện vận tải đang thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng tại ngày 30/06/2019 là 8.899.867.206 VND (tại ngày 01/01/2019 là 7.437.758.667 VND) (xem thuyết minh 5.21).

### 5.12 Tình hình tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại 01/01/2019	96.428.020.202	4.430.280.956	100.858.301.158
Kết chuyển qua TSCĐ hữu hình	(2.546.358.908)	(1.449.537.140)	(3.995.896.048)
<b>Tại 30/06/2019</b>	<b>93.881.661.294</b>	<b>2.980.743.816</b>	<b>96.862.405.110</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại 01/01/2019	28.963.369.926	1.394.641.408	30.358.011.334
Khấu hao trong kỳ	7.262.995.241	147.644.315	7.410.639.556
Kết chuyển qua TSCĐ hữu hình	(684.505.077)	(456.310.691)	(1.140.815.768)
<b>Tại 30/06/2019</b>	<b>35.541.860.090</b>	<b>1.085.975.032</b>	<b>36.627.835.122</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2019	67.464.650.276	3.035.639.548	70.500.289.824
<b>Tại 30/06/2019</b>	<b>58.339.801.204</b>	<b>1.894.768.784</b>	<b>60.234.569.988</b>

Công ty thuê một số thiết bị sản xuất theo các hợp đồng thuê tài chính khác nhau. Đến cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, Công ty có quyền lựa chọn mua lại những thiết bị này với giá ưu đãi. Thiết bị thuê được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê (xem Thuyết minh 5.21).

### 5.13 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại 01/01/2019	223.271.298.600	4.760.142.874	228.031.441.474
Mua trong kỳ	-	-	-
<b>Tại 30/06/2019</b>	<b>223.271.298.600</b>	<b>4.760.142.874</b>	<b>228.031.441.474</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại 01/01/2019	7.928.471.984	3.818.935.468	11.747.407.452
Khấu hao	280.679.904	203.188.447	483.868.351
<b>Tại 30/06/2019</b>	<b>8.209.151.888</b>	<b>4.022.123.915</b>	<b>12.231.275.803</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2019	215.342.826.616	941.207.406	216.284.034.022
<b>Tại 30/06/2019</b>	<b>215.062.146.712</b>	<b>738.018.959</b>	<b>215.800.165.671</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng có nguyên giá là:

Tại 01/01/2019	-	2.089.042.874	2.089.042.874
<b>Tại 30/06/2019</b>	-	<b>3.215.542.874</b>	<b>3.215.542.874</b>

Giá trị còn lại của tài sản cố định đang thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng (xem thuyết minh 5.21):

Tại 01/01/2019	215.342.826.616	-	215.342.826.616
<b>Tại 30/06/2019</b>	<b>215.062.146.712</b>	-	<b>215.062.146.712</b>

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, trong quyền sử dụng đất có quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định với nguyên giá là 199.433.000.000 VND (ngày 01 tháng 01 năm 2019 là 199.433.000.000 VND), giá trị quyền sử dụng đất này không được tính khấu hao.

### 5.14 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2019 VND	Chi phí phát sinh trong kỳ VND	Kết chuyển TSCĐ VND	30/06/2019 VND
Mua sắm tài sản cố định	1.735.609.551	8.189.554.390	(2.000.400.965)	7.924.762.976
Xây dựng cơ bản dở dang	4.222.769.968	-	-	4.222.769.968
	<b>5.958.379.519</b>	<b>8.189.554.390</b>	<b>(2.000.400.965)</b>	<b>12.147.532.944</b>

### 5.15 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	01/01/2019 VND	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ VND	30/06/2019 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến lỗ tính thuế chưa sử dụng	116.533.646.629	(3.018.482.833)	113.515.163.796

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Công ty có các khoản lỗ tính thuế là 567.575.818.979 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 582.668.233.144 VND) có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai.

Thời hạn sử dụng của các khoản lỗ tính thuế được chuyển sang bù trừ vào thu nhập các năm sau như sau:

Năm	Ghi chú	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
2020	Lỗ tính thuế năm 2015	118.408.880.790	133.501.294.955
2021	Lỗ tính thuế năm 2016	418.707.484	418.707.484
2023	Lỗ tính thuế năm 2018	448.748.230.705	448.748.230.705
		<b>567.575.818.979</b>	<b>582.668.233.144</b>

4895  
NG T  
M H  
T O/  
ET N  
H O



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

### 5.16 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Phải trả các bên liên quan</b>		
Công ty TNHH MTV PET Quốc tế	13.001.915.333	1.562.114.565
Công ty TNHH MTV Nhựa P.E.T Việt Nam	35.316.501.583	16.041.393.787
Công ty Cổ phần Nắp Toàn Cầu	246.179.521.398	149.294.877.521
Công ty TNHH MTV Bao bì Quốc tế Ngọc Nghĩa	21.954.333.335	12.566.264.155
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>		
Công ty TNHH Hưng nghiệp Formosa	36.178.383.780	37.999.534.650
ACI Chemicals Aia Inc	-	3.476.536.875
Unilever Asia Private Limited	35.491.272.127	22.036.007.083
Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông	58.625.557.100	19.787.529.300
Các nhà cung cấp khác	72.149.307.582	68.840.836.060
	<b>518.896.792.238</b>	<b>331.605.093.996</b>

Số dư khoản phải trả người bán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018 không quá hạn.

### 5.17 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Trả trước của các bên liên quan</b>		
Công ty TNHH MTV Nhựa P.E.T Việt Nam	-	564.203.143
<b>Trả trước của các khách hàng khác</b>		
Yuai Inc	1.665.746.773	757.223.404
Tappoo Limited T/A Eddie Bin Beverage Ltd.	1.547.767.982	-
Công Ty TNHH Nước tinh khiết Núi Tiên	1.543.289.000	1.543.289.000
Asia Brewery, Inc.	1.467.267.858	-
Asia Pacific Beverages Myanmar Co., Ltd.	1.251.961.815	2.652.113.270
Các khách hàng khác	9.226.208.298	17.289.671.110
	<b>16.702.241.726</b>	<b>22.806.499.927</b>

### 5.18 Thuế và các khoản thu/ phải nộp Nhà nước

	01/01/2019		Số phát sinh trong kỳ			30/06/2019	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Chuyển khấu trừ/ Hoàn thuế VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	39.324.810	-	68.211.032.622	(172.882.514)	(68.024.727.791)	52.747.127	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	10.621.841.517	(10.621.841.517)	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	2.096.955.633	(2.100.767.505)	-	-	(3.811.872)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(13.582.861.674)	-	-	-	-	(13.582.861.674)
Thuế thu nhập cá nhân	127.669.298	-	1.558.280.919	(1.077.161.928)	(116.052.142)	492.736.147	-
Thuế môn bài	-	-	12.000.000	(12.000.000)	-	-	-
	<b>166.994.108</b>	<b>(13.582.861.674)</b>	<b>82.500.110.691</b>	<b>(13.984.653.464)</b>	<b>(68.140.779.933)</b>	<b>545.483.274</b>	<b>(13.586.673.546)</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>13.732.312.216</b>	<b>71.480.837.142</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	1.360.101.949	4.397.625.054
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>15.092.414.165</b>	<b>75.878.462.196</b>
Thu nhập được miễn thuế	-	(100.890.359.445)
Lỗi các năm trước được chuyển	(15.092.414.165)	-
Thu nhập tính thuế	-	<b>(25.011.897.249)</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>5.19 Chi phí phải trả ngắn hạn</b>	<b>30/06/2019 VND</b>	<b>01/01/2019 VND</b>
Lương và thưởng	1.824.648.022	2.600.748.206
Trích trước lãi vay	1.252.394.197	1.426.695.365
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	458.067.146	533.820.736
	<b>3.535.109.365</b>	<b>4.561.264.307</b>
<b>5.20 Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>30/06/2019 VND</b>	<b>01/01/2019 VND</b>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>		
Lãi tiền vay - Công ty TNHH MTV PET Quốc tế	31.627.744.479	26.253.477.808
Lãi tiền vay - Công ty TNHH MTV Bao bì Quốc tế Ngọc Nghĩa	13.246.839.149	11.499.801.375
Mượn tiền Công ty TNHH MTV Nhựa P.E.T Việt Nam	5.730.000.000	-
Tiền mua cổ phần công ty con - bà La Bùi Hồng Ngọc	3.540.000.000	-
Tiền mua cổ phần công ty con - bà Bùi Bích Hồng	3.540.000.000	-
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>		
Kinh phí công đoàn	1.262.042.720	1.108.075.780
Bảo hiểm xã hội	1.123.689.375	-
Bảo hiểm y tế	201.951.855	-
Bảo hiểm thất nghiệp	105.510.900	-
Các khoản phải trả khác	213.301.000	158.001.900
	<b>60.591.079.478</b>	<b>39.019.356.863</b>

Số dư khoản phải trả khác tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018 không quá hạn.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

### 5.21 Vay và nợ thuê tài chính

#### 5.21.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</b>				
Vay ngắn hạn Công ty TNHH MTV Bao bì Quốc tế Ngọc Nghĩa (a)	46.200.000.000	46.200.000.000	134.000.000.000	134.000.000.000
Vay ngắn hạn Công ty TNHH MTV PET Quốc tế	-	-	237.100.000.000	237.100.000.000
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>				
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (b)	299.391.017.835	299.391.017.835	272.485.385.781	272.485.385.781
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Bảo Việt (c)	58.276.361.280	58.276.361.280	64.082.261.126	64.082.261.126
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong (d)	37.872.788.544	37.872.788.544	23.258.775.290	23.258.775.290
Vay ngắn hạn Ngân hàng Xây dựng Trung Quốc (e)	63.983.742.900	63.983.742.900	180.014.587.545	180.014.587.545
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong đến hạn trả	1.740.198.984	1.740.198.984	1.278.750.000	1.278.750.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	18.459.571.592	18.459.571.592	19.321.327.796	19.321.327.796
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
	<b>625.923.681.135</b>	<b>625.923.681.135</b>	<b>1.031.541.087.538</b>	<b>1.031.541.087.538</b>

(a) Khoản vay ngắn hạn công ty con không được đảm bảo và lãi suất là 6,8%/năm. Các khoản vay này có thời hạn thu hồi trong vòng 12 tháng kể từ ngày vay. Tại thời điểm 30/06/2019, Công ty chưa ký phụ lục hợp đồng gia hạn các khoản vay với Công ty TNHH MTV Bao bì Quốc tế Ngọc Nghĩa.

(b) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 0010/1938/N-CTD ngày 28/01/2019 để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay có hạn mức tín dụng là 350.000.000.000 VND, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng thế chấp tài sản, bao gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Lô B1-8 đường D3, KCN Tây Bắc Củ Chi, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh với giá trị là 46.941.000.000 VND.
- Quyền sử dụng đất số AG 429089 và 830524 tại Khu công nghiệp Tân Bình, 22 Tây Thạnh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh với giá trị là 177.450.000.000 VND.
- Toàn bộ quyền góp vốn của Công ty vào Công ty Cổ phần Nắp Toàn Cầu có giá trị là 98.400.000.000 VND.
- Toàn bộ quyền góp vốn của Công ty vào Công ty TNHH MTV Bao bì Quốc tế Ngọc Nghĩa có giá trị là 115.000.000.000 VND.
- 7.840.000 cổ phần trong Công ty TNHH MTV PET Quốc tế và 2.338.776 cổ phần trong Công ty TNHH MTV Nhựa P.E.T Việt Nam với giá trị là 101.787.760.000 VND.
- Các tài sản thế chấp và/ hoặc cầm cố đang bảo đảm cho các khoản vay trung dài hạn của Công ty Cổ phần Nắp Toàn Cầu, Công ty TNHH MTV Bao bì Quốc tế Ngọc Nghĩa và ông La Văn Hoàng tại Ngân hàng đồng thời đảm bảo chung cho Hợp đồng tín dụng này.

330  
 C  
 HẠCH  
 KẾ  
 AFC

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

- (c) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 1267/2018/HĐTD1/BVB03 ngày 21/08/2018 để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay có hạn mức tín dụng là 66.867.000.000 VND, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú (nay là Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Opera), bao gồm: Quyền sử dụng đất tại Lô C9-I đường N4, Khu công nghiệp Hàm Kiệm I, xã Hàm Mỹ, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận và toàn bộ nhà xưởng chính, nhà xưởng phụ và máy móc thiết bị tại Nhà máy sản xuất nước mắm Hồng Phú.
- (d) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo các hợp đồng tín dụng sau:
- Số 130/2019/HĐTD/GDH/01 ngày 03/04/2019 để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay có hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 VND, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng Hợp đồng đảm bảo số 19-01.16/HĐCC/TPBANK.GDH ngày 07/01/2016 giá trị 30.000.000.000 VND.
  - Số 130/2019/HĐTD/GDH/02 ngày 03/04/2019 để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay có hạn mức tín dụng là 10.000.000.000 VND, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng Hợp đồng đảm bảo số 287/2016/HĐBĐ/GDN/01 ngày 13/01/2017 giá trị 10.000.000.000 VND.
- (e) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Xây dựng Trung Quốc theo hợp đồng tín dụng số FAGSTF/2018-007 ngày 31/10/2018 để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay có hạn mức tín dụng là 180.000.000.000 VND, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	01/01/2019	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Cán trừ công nợ	Chênh lệch tỷ giá	30/06/2019
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	539.841.009.742	596.635.454.577	-	(676.681.490.854)	-	(271.062.906)	459.523.910.559
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	371.100.000.000	-	-	(87.800.000.000)	(237.100.000.000)	-	46.200.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	1.278.750.000	-	1.203.735.976	(742.286.992)	-	-	1.740.198.984
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	19.321.327.796	-	9.117.585.794	(9.979.341.998)	-	-	18.459.571.592
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả	100.000.000.000	-	-	-	-	-	100.000.000.000
	<b>1.031.541.087.538</b>	<b>596.635.454.577</b>	<b>10.321.321.770</b>	<b>(775.203.119.844)</b>	<b>(237.100.000.000)</b>	<b>(271.062.906)</b>	<b>625.923.681.135</b>

4489  
NG  
EM  
TO  
ỆT  
HỒ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

### 5.21.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>				
Nợ thuê tài chính (a)	29.038.773.377	29.038.773.377	39.018.115.375	39.018.115.375
Trái phiếu thường (b)	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong (c)	6.235.713.008	6.235.713.008	5.580.000.000	5.580.000.000
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong đến hạn trả	(1.740.198.984)	(1.740.198.984)	(1.278.750.000)	(1.278.750.000)
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	(18.459.571.592)	(18.459.571.592)	(19.321.327.796)	(19.321.327.796)
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả	(100.000.000.000)	(100.000.000.000)	(100.000.000.000)	(100.000.000.000)
	<b>15.074.715.809</b>	<b>15.074.715.809</b>	<b>23.998.037.579</b>	<b>23.998.037.579</b>

- (a) Các khoản thuê tài chính có thời hạn thuê từ 42 tháng đến 48 tháng với lãi suất dao động từ 7,54%/năm đến 8,91%/năm. Công ty có một khoản trả trước tiền thuê cho hợp đồng 2017-00178-002 với số tiền 473.774.000 VND. Do máy móc nhập khẩu chưa nhập khẩu, Công ty chưa ghi nhận tăng khoản nợ thuê tài chính.
- (b) Công ty phát hành Trái phiếu thường kỳ hạn 36 tháng vào ngày 01/12/2016. Thời gian đáo hạn là 01/12/2019. Lãi suất năm đầu tiên 9,50%, lãi suất năm tiếp theo bằng 3%/năm + lãi suất trung bình cộng lãi tiền gửi tiết kiệm cá nhân trả sau kì hạn 12 tháng. Lãi suất hiện hành là 10,07%/năm.
- (c) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo các hợp đồng tín dụng sau:
- Số 26/2018/HDTD/GDH/01 ngày 12/01/2018 để mua xe ô tô. Khoản vay giá trị là 5.580.000.000 VND, lãi suất 8,5%/năm, thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản được mua là xe Lexus LS500H với giá trị 7.440.000.000 VND.
  - Số 43/2019/HDTD/GDH/01 ngày 21/01/2019 để mua xe ô tô. Khoản vay giá trị là 555.000.000 VND, lãi suất 8,9%/năm, thời hạn vay 48 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản được mua là xe Toyota Innova với giá trị 740.000.000 VND.
  - Số 08/2019/HDTD/GDH/01 ngày 11/01/2019 để mua xe ô tô. Khoản vay giá trị là 843.000.000 VND, lãi suất 8,9%/năm, thời hạn vay 48 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản được mua là xe Kia Sedona với giá trị 1.124.000.000 VND.

Trái phiếu thường dài hạn bao gồm:

	30/06/2019			01/01/2019		
	Lãi suất %	Kỳ hạn năm	Giá trị VND	Lãi suất %	Kỳ hạn năm	Giá trị VND
<b>Trái phiếu phát hành cho các tổ chức và cá nhân khác</b>						
Phát hành theo mệnh giá	10,07	3	100.000.000.000	10,07	3	100.000.000.000



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ VND	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND
<b>Tại ngày 30/06/2019</b>				
Vay dài hạn ngân hàng	6.235.713.008	1.740.198.984	4.495.514.024	-
Nợ thuê tài chính	29.038.773.377	18.459.571.592	10.579.201.785	-
Trái phiếu thường	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-
	<b>135.274.486.385</b>	<b>120.199.770.576</b>	<b>15.074.715.809</b>	-
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>				
Vay dài hạn ngân hàng	5.580.000.000	1.278.750.000	4.301.250.000	-
Nợ thuê tài chính	39.018.115.375	19.321.327.796	19.696.787.579	-
Trái phiếu thường	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-
	<b>144.598.115.375</b>	<b>120.600.077.796</b>	<b>23.998.037.579</b>	-

Tổng nợ thuê tài chính phải trả như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2019</b>				
Tiền gốc phải trả	18.459.571.592	10.579.201.785	-	29.038.773.377
Lãi thuê phải trả	1.747.803.416	844.138.478	-	2.591.941.894
<b>Nợ thuê tài chính phải trả</b>	<b>20.207.375.008</b>	<b>11.423.340.263</b>	-	<b>31.630.715.271</b>
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>				
Tiền gốc phải trả	19.321.327.796	19.696.787.579	-	39.018.115.375
Lãi thuê phải trả	2.536.155.258	1.524.560.737	-	4.060.715.995
<b>Nợ thuê tài chính phải trả</b>	<b>21.857.483.054</b>	<b>21.221.348.316</b>	-	<b>43.078.831.370</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	01/01/2019 VND	Số tiền vay phát sinh trong kỳ VND	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn VND	Số tiền vay đã trả trong kỳ VND	30/06/2019 VND
Vay dài hạn ngân hàng	5.580.000.000	1.398.000.000	-	(742.286.992)	6.235.713.008
Nợ thuê tài chính	39.018.115.375	-	-	(9.979.341.998)	29.038.773.377
Trái phiếu thường	100.000.000.000	-	-	-	100.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	(1.278.750.000)	-	(1.203.735.976)	742.286.992	(1.740.198.984)
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	(19.321.327.796)	-	(9.117.585.794)	9.979.341.998	(18.459.571.592)
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả	(100.000.000.000)	-	-	-	(100.000.000.000)
	<b>23.998.037.579</b>	<b>1.398.000.000</b>	<b>(10.321.321.770)</b>	-	<b>15.074.715.809</b>

### 5.21.3 Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

### 5.22 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	01/01/2019 VND	Tăng do trích lập từ lợi nhuận VND	Chi quỹ trong kỳ VND	30/06/2019 VND
Quỹ khen thưởng	773.902.744	-	-	773.902.744
Quỹ phúc lợi	1.209.484.108	-	-	1.209.484.108
	<b>1.983.386.852</b>	-	-	<b>1.983.386.852</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP - DỊCH VỤ - THƯƠNG MẠI NGỌC NGHĨA  
27A Nguyễn Ư Dĩ, Phường Thảo Điền, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.*

### 5.23 Vốn chủ sở hữu

#### 5.23.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại 01/01/2018	522.500.000.000	46.900.000.000	(88.088.780.000)	10.973.114.162	192.503.849	241.581.013.953	734.057.851.964
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	76.483.216.592	76.483.216.592
<b>Số dư tại 30/06/2018</b>	<b>522.500.000.000</b>	<b>46.900.000.000</b>	<b>(88.088.780.000)</b>	<b>10.973.114.162</b>	<b>192.503.849</b>	<b>318.064.230.545</b>	<b>810.541.068.556</b>
Số dư tại 01/06/2018	522.500.000.000	46.900.000.000	(88.088.780.000)	10.973.114.162	192.503.849	318.064.230.545	810.541.068.556
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	87.932.090.886	87.932.090.886
<b>Số dư tại 31/12/2018</b>	<b>522.500.000.000</b>	<b>46.900.000.000</b>	<b>(88.088.780.000)</b>	<b>10.973.114.162</b>	<b>192.503.849</b>	<b>405.996.321.431</b>	<b>898.473.159.442</b>
Số dư tại 01/01/2019	522.500.000.000	46.900.000.000	(88.088.780.000)	10.973.114.162	192.503.849	405.996.321.431	898.473.159.442
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	10.713.829.383	10.713.829.383
Chia cổ tức	-	(46.898.829.614)	88.088.780.000	-	-	(41.189.950.386)	-
<b>Số dư tại 30/06/2019</b>	<b>522.500.000.000</b>	<b>1.170.386</b>	<b>-</b>	<b>10.973.114.162</b>	<b>192.503.849</b>	<b>375.520.200.428</b>	<b>909.186.988.825</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

### 5.23.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (sửa đổi), vốn điều lệ của Công ty là 522.500.000.000 VND. Tại ngày 30/06/2019, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	30/06/2019		01/01/2019	
	Số cổ phần	Giá trị cổ phần VND	Số cổ phần	Giá trị cổ phần VND
Ông La Văn Hoàng	17.134.180	171.341.800.000	15.822.496	158.224.960.000
Bà Bùi Bích Hồng	10.554.834	105.548.340.000	9.746.823	97.468.230.000
Bà La Bùi Hồng Ngọc	10.329.201	103.292.010.000	9.538.463	95.384.630.000
Ông La Bùi Hoàng Nghĩa	7.376.698	73.766.980.000	6.811.985	68.119.850.000
Các cổ đông khác	6.855.087	68.550.870.000	6.326.155	63.261.550.000
Cổ phiếu quỹ	-	-	4.004.078	40.040.780.000
	<b>52.250.000</b>	<b>522.500.000.000</b>	<b>52.250.000</b>	<b>522.500.000.000</b>

### 5.23.3 Cổ phiếu

	30/06/2019	01/01/2019
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	52.250.000	52.250.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	52.250.000	52.250.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	52.250.000	52.250.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	(4.004.078)
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	(4.004.078)
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	52.250.000	48.245.922
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	52.250.000	48.245.922
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

### 5.23.4 Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 01/NQ/ĐHCĐ/NQ/18 ngày 22 tháng 05 năm 2018 bằng 4.004.078 cổ phiếu quỹ tương đương 88.088.780.000 VND.

## 5.24 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

### 5.24.1 Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	19.376.002.000	18.640.432.000
Trên 1 năm đến 5 năm	33.145.386.000	43.721.934.000
	<b>52.521.388.000</b>	<b>62.362.366.000</b>

### 5.24.2 Ngoại tệ các loại

	30/06/2019	01/01/2019
Dollar Mỹ (USD)	171.028,54	528.224,11
Euro (EUR)	6.482,38	6.487,84

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP - DỊCH VỤ - THƯƠNG MẠI NGỌC NGHĨA

4486

ÔNG  
TRIỆU  
M. T. I  
VIỆT

P. H. I



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

### 6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

#### 6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

##### 6.1.1 Doanh thu thuần

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Doanh thu bán hàng	856.172.422.989	698.457.425.581
Trừ: Hàng bán bị trả lại	(1.050.534.460)	(5.728.678.290)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>855.121.888.529</b>	<b>692.728.747.291</b>

##### 6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Công ty TNHH MTV PET Quốc tế	272.465.398.601	341.603.730.370
Công ty TNHH MTV Nhựa P.E.T Việt Nam	41.254.955.252	29.314.621.542
Công ty Cổ phần Nắp Toàn Cầu	109.470.750.786	29.878.460.278
Công ty TNHH MTV Bao bì Quốc tế Ngọc Nghĩa	20.489.560.000	1.973.860.000
	<b>443.680.664.639</b>	<b>402.770.672.190</b>

#### 6.2 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	600.884.311.141	498.239.443.449
Giá vốn thành phẩm đã bán	179.798.922.002	141.127.830.127
	<b>780.683.233.143</b>	<b>639.367.273.576</b>

#### 6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.401.007.348	5.966.550.457
Lãi cho vay	-	7.207.576.686
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	100.890.359.445
Lãi chênh lệch tỷ giá	485.947.462	305.914.021
Thu nhập chuyển nhượng cổ phần	-	810.000.000
	<b>2.886.954.810</b>	<b>115.180.400.609</b>

#### 6.4 Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Chi phí lãi vay	33.856.136.062	56.312.537.485
Lỗ chênh lệch tỷ giá	310.938.994	333.154.387
Chi phí tài chính khác	18.025.120	-
	<b>34.185.100.176</b>	<b>56.645.691.872</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

### 6.5 Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	4.864.525.608	2.973.759.522
Chi phí vật liệu bao bì	28.829.813	124.979.768
Chi phí khấu hao tài sản cố định	44.434.672	164.235.521
Chi phí hoa hồng và vận chuyển	10.799.942.000	8.955.840.493
Chi phí bán hàng khác	230.230.779	408.549.531
	<b>15.967.962.872</b>	<b>12.627.364.835</b>

### 6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	12.004.117.797	9.229.220.783
Chi phí đồ dùng văn phòng	94.074.705	74.209.100
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.642.476.634	1.713.921.004
Thuế, phí và lệ phí	146.968.500	110.297.834
Chi phí dịch vụ	7.206.808.378	11.171.107.276
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.121.965.550	5.786.067.454
	<b>23.216.411.564</b>	<b>28.084.823.451</b>

### 6.7 Thu nhập khác

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	4.898.764.296	1.783.863.151
Thu nhập từ cho thuê	4.726.727.270	4.424.636.362
Thu nhập khác	3.064.702.931	2.065.694.798
	<b>12.690.194.497</b>	<b>8.274.194.311</b>

### 6.8 Chi phí khác

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Chi phí khấu hao của tài sản thuê	2.817.403.060	5.736.519.060
Chi phí khác	96.614.805	2.240.832.275
	<b>2.914.017.865</b>	<b>7.977.351.335</b>

### 6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi trên cổ phiếu", trường hợp doanh nghiệp phải lập cả báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

### 6.10 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	187.499.410.148	145.376.862.729
Chi phí nhân công	35.230.128.841	22.812.105.188
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.367.237.529	18.957.887.380
Chi phí khác	48.197.281.576	38.566.557.517
	<b>285.294.058.094</b>	<b>225.713.412.814</b>

## 7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

### 7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 7.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Lương, thưởng	2.457.016.520	4.823.019.230

Số dư với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Bên liên quan	Nội dung	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Bà La Bùi Hồng Ngọc</b>	Tạm ứng	199.573.723	1.497.105.342
	Phải trả khác	3.540.000.000	-
<b>Ông La Bùi Hoàng Nghĩa</b>	Tạm ứng	71.573.255	56.151.620
<b>Bà Bùi Bích Hồng</b>	Tạm ứng	8.123.538	-
	Phải trả khác	3.540.000.000	-
<b>Bà Đào Thị Thuận</b>	Tạm ứng	3.858.000.000	5.000.000.000

#### 7.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Trong kỳ, Công ty có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các công ty có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
<b>Công ty TNHH MTV PET Quốc tế</b>	Bán hàng hóa	272.465.398.601	341.603.730.370
	Mua hàng hóa	12.492.491.657	13.178.436.875
	Cổ tức đã nhận	-	70.300.000.000
	Thu nhập từ cho thuê	432.000.000	42.000.000
	Thu nhập từ thanh lý tài sản	5.000.000.000	-

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
	Cần trừ nợ phải thu với vay	237.100.000.000	-
	Vay	-	90.200.000.000
	Trả nợ vay	-	35.200.000.000
	Chi phí lãi vay	5.374.266.671	20.632.329.455
	Mượn tiền	1.000.000.000	-
	Trả tiền mượn	1.000.000.000	-
<b>Công ty TNHH MTV Nhựa P.E.T Việt Nam</b>			
	Bán hàng hóa	41.254.955.252	29.314.621.542
	Mua thành phẩm	19.411.087.903	17.844.199.700
	Cổ tức đã nhận	-	30.590.359.445
	Thu nhập từ cho thuê	870.000.000	882.332.703
	Thu nhập thanh lý tài sản	-	100.000.000
	Hàng bán bị trả lại	2.157.240	285.285
	Trả hàng cho nhà cung cấp	-	86.496.803
	Cần trừ cổ tức, nợ phải trả	-	19.900.000.000
	Chi phí lãi vay	-	564.019.445
	Trả lãi vay	-	740.359.445
	Mượn tiền	20.930.000.000	1.000.000.000
	Trả/Cần trừ tiền mượn	15.200.000.000	1.000.000.000
<b>Công ty Cổ phần Nắp Toàn Cầu</b>			
	Bán hàng hóa	109.470.750.786	29.878.460.278
	Mua hàng hóa	211.499.479.317	160.832.070.606
	Bán phụ tùng	-	1.825.194.059
	Thu nhập từ cho thuê	1.400.000.000	1.680.000.000
	Thu nhập thanh lý tài sản	-	22.300.000.000
	Vay	-	11.500.000.000
	Trả nợ vay	-	6.000.000.000
	Chi phí lãi vay	-	5.921.071.672
<b>Công ty TNHH MTV Bao bì Quốc tế Ngọc Nghĩa</b>			
	Bán hàng hóa	20.489.560.000	1.973.860.000
	Mua hàng hóa	10.989.153.800	8.336.330.650
	Vay	-	87.700.000.000
	Trả nợ vay	87.800.000.000	13.000.000.000
	Chi phí lãi vay	3.247.037.774	4.167.558.885
	Trả lãi vay	1.500.000.000	-
	Mượn tiền	1.300.000.000	-
	Trả tiền mượn	1.300.000.000	-

### Số dư với các bên liên quan:

Bên liên quan	Nội dung	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Công ty TNHH MTV PET Quốc tế</b>			
	Phải thu ngắn hạn	88.529.541.139	380.455.925.252
	Phải trả người bán	13.001.915.333	1.562.114.565
	Phải trả khác	31.627.744.479	26.253.477.808
	Vay ngắn hạn	-	237.100.000.000
<b>Công ty TNHH MTV Nhựa P.E.T Việt Nam</b>			
	Phải thu ngắn hạn	5.903.073.331	173.860.000
	Phải trả người bán	35.316.501.583	16.041.393.787
	Người mua trả trước	-	564.203.143
	Phải trả khác	5.730.000.000	-

00448  
CÔNG  
NHÌEM  
TẾM T  
VIỆT  
TP. HỒ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Bên liên quan	Nội dung	30/06/2019	01/01/2019
		VND	VND
Công ty Cổ phần Nắp Toàn Cầu	Phải thu ngắn hạn	78.153.141.691	16.861.937.252
	Phải trả người bán	246.179.521.398	149.294.877.521
Công ty TNHH MTV Bao bì Quốc tế Ngọc Nghĩa	Phải thu ngắn hạn	11.108.131.870	814.000
	Phải trả người bán	21.954.333.335	12.566.264.155
	Phải trả khác	13.246.839.149	11.499.801.375
	Vay ngắn hạn	46.200.000.000	134.000.000.000

### 7.2 Thông tin bộ phận

#### 7.2.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa.

#### 7.2.2 Bộ phận theo khu vực địa lý

##### Doanh thu và chi tiêu vốn bộ phận

	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng cộng	
	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán ra bên ngoài	683.155.183.781	584.834.681.129	171.966.704.748	107.894.066.162	855.121.888.529	692.728.747.291
Chi tiêu vốn	11.846.135.082	44.814.877	-	-	11.846.135.082	44.814.877

##### Tài sản bộ phận

	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng cộng	
	30/06/2019	01/01/2019	30/06/2019	01/01/2019	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản bộ phận	2.157.330.283.096	2.356.973.152.273	-	-	2.157.330.283.096	2.356.973.152.273

### 7.3 Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Công ty có nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 12.092.047.666 VND. Hơn nữa, Công ty có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (xem Thuyết minh 5.21). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào khả năng của Công ty có thể tạo ra đủ dòng tiền cho các hoạt động của mình và việc các ngân hàng tiếp tục duy trì đầy đủ và thích hợp các hạn mức tín dụng nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty không tạo đủ dòng tiền và các ngân hàng sẽ không tiếp tục cung cấp đầy đủ các hạn mức tín dụng.




## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

### 7.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán (ngày 30 tháng 06 năm 2019) cho đến thời điểm lập Báo cáo này, yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Kế toán trưởng/ Người lập biểu



*La Bùi Hồng Ngọc*  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 07 năm 2019

